

Bản án số: 50/2022/DS-PT
Ngày 20-9-2022
V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Danh Đại và ông Nguyễn Tài Sử.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Mừng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST, ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G’Long, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng S, địa chỉ: Tổ 4, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Kim S1, địa chỉ: Bon B’Dong (thôn 9), xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị L1, địa chỉ: Bon B’Dong (thôn 9), xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - có mặt.

Bà Phạm Thị Thu M, địa chỉ: Tổ 4, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Thu M: Ông Nguyễn Hồng S, địa chỉ: Tổ 4, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông - có mặt.

Anh Lý Văn V, địa chỉ: Bon B’Dong (thôn 9), xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Anh Nguyễn Hà L, địa chỉ: Bon B’Dong (thôn 9), xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Hoàng Kim S1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thu M: ông Nguyễn Hồng S trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất hiện nay gia đình ông đang sử dụng (trong đó có một phần diện tích tranh chấp với hộ gia đình anh Hoàng Kim S1) do nhận chuyển nhượng từ gia đình ông Ngô Đình T vào các năm 2008 và năm 2012, cụ thể. Khi nhận chuyển nhượng vào năm 2008, ông S nhận chuyển nhượng chung cùng với anh Nguyễn Hà L, anh Lý Văn V, chiều ngang theo mặt đường quốc lộ 28 là 15m, chiều dài khoảng 30-31m; đất tọa lạc tại thôn 9, xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông. Khi nhận chuyển nhượng có lập hợp đồng viết tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương, giá chuyển nhượng là 90.000.000 đồng (6.000.000 đồng/m), khi nhận chuyển nhượng có ra thực địa để xem vị trí lô đất nhận chuyển nhượng, ông S, anh L và anh V thỏa thuận mỗi người nhận chuyển nhượng chiều ngang theo mặt đường quốc lộ 28 là 5m, đã trả đủ tiền cho ông T, thửa đất trên có tứ cận: Phía Đông giáp đất còn lại của ông T, phía Tây giáp đất ông H1, phía Nam giáp đường xuống Thủy điện Đồng Nai 3, phía Bắc giáp đất ông Ngô Quang V2; trên đất không có tài sản gì, sau khi nhận chuyển nhượng ông S, anh L, anh V chưa canh tác, sử dụng (V để đất trống).

Năm 2012, ông S nhận chuyển nhượng thêm phần diện tích đất còn lại của ông Ngô Đình T (ngang mặt đường QL 28 là 20m, dài khoảng 30-31m), vị trí thửa đất có một cạnh sát vách nhà anh Hoàng Kim S1; khi nhận chuyển nhượng có vào xem xét vị trí thửa đất, giá chuyển nhượng 80.000.000 đồng (4.000.000 đồng/m); toàn bộ thửa đất chuyển nhượng của ông T chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hai bên thỏa thuận gia đình ông T có trách nhiệm hoàn tất thủ tục sang tên cho gia đình ông S trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông S trả thêm số tiền 10.000.000 đồng. Hai bên lập hợp đồng viết tay, có vẽ sơ đồ thửa đất chuyển nhượng, không có xác nhận của chính quyền địa phương, Giấy chuyển nhượng do ông T viết có thể hiện phần đất ông T chuyển nhượng cho anh L, anh V và anh S1 mỗi người 5m đất mặt đường QL 28, đồng thời ông T thu hồi lại Giấy viết tay được lập năm 2008.

Thời điểm nhận chuyển nhượng năm 2008, gia đình anh S1 có làm căn nhà trên thửa đất của ông T (nguồn gốc đất do anh S1 nhận chuyển nhượng của ông T), liền kề căn nhà anh S1 có mượn thêm ông T 05m mặt đường dựng thêm mái hiên để đặt bàn bi – a. Năm 2012 khi ông S nhận chuyển nhượng thì không còn mái hiên và không còn bàn bi – a. Do chưa ở và chưa canh tác nên khoảng năm 2015-2016 anh S1 đã xây dựng bể chứa nước; ông S và ông T đã liên hệ yêu cầu anh S1 trả lại đất, tuy nhiên anh S1 yêu cầu bồi thường số tiền 15.000.000 đồng (ông T, ông S mỗi người 7,5.000.000 đồng), nhưng ông S không đồng ý.

Sau nhiều lần thương lượng không được nên ông S khởi kiện, yêu cầu gia đình anh S1 phải trả diện tích đất lấn chiếm là 149,32m² (theo kết quả đo đạc), buộc gia đình anh S1 phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất.

Đối với phần diện tích đất của anh Lý Văn V hiện nay đã chuyển nhượng lại cho gia đình ông S ngày 08-4-2020 với giá tiền 65.000.000 đồng.

Bị đơn anh Hoàng Kim S1 trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất hiện nay của gia đình anh đang sử dụng do gia đình anh nhận chuyển nhượng từ ông Ngô Đình T năm 2005, khi nhận chuyển nhượng hai bên không lập giấy tờ, chỉ nói miệng với nhau, không có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Quảng Khê, giá chuyển nhượng là 20.000.000 đồng, gia đình anh S1 đã trả đủ tiền, khi chuyển nhượng hai bên có ra xem xét thực địa nhưng không đo đạc thực tế, thửa đất chuyển nhượng có chiều ngang mặt đường 10m (biên bản đối chất và tại phiên tòa anh S1 trình bày nhận chuyển nhượng 05m, ông T cho thêm 05m), chiều dài 60m; lô đất có tứ cận một phía giáp đất ông C, một phía giáp đất còn lại của ông T (sau này ông T chuyển nhượng lại cho anh L), phía trước giáp đường quốc lộ 28; phía sau giáp đất ông C1, trên đất chuyển nhượng không có tài sản, sau khi nhận chuyển nhượng gia đình anh sử dụng hết chiều ngang thửa đất nhận chuyển nhượng (làm nhà ở 5m và 5m còn lại làm nhà gỗ đặt bàn bi – a, công trình phụ và bể nước), thửa đất nhận chuyển nhượng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2013 thì gia đình anh được đo đạc, giải thửa đối với thửa đất trên.

Thời điểm ông S, anh L, anh V nhận chuyển nhượng đất của ông T khoảng năm 2012-2013, anh S1 có biết và là người chứng kiến, vị trí thửa đất ông T chuyển nhượng giáp đất của anh, tới đất anh L, anh V và ông S, ông T chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất còn lại có chiều ngang mặt đường quốc lộ 28 là 30m.

Khoảng năm 2020 thì gia đình ông S khởi kiện, yêu cầu gia đình anh phải trả diện tích đất lấn chiếm nêu trên, gia đình anh không đồng ý, vì gia đình ông S nhận chuyển nhượng sau, gia đình anh sử dụng đất ổn định không tranh chấp và đã được đo đạc giải thửa năm 2013.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị L1 trình bày:

Năm 2005 gia đình chị nhận chuyển nhượng của ông Ngô Đình T một lô đất, chiều ngang mặt đường quốc lộ 28 là 10m, giá chuyển nhượng 20.000.000đ, đã trả tiền mặt 15.000.000 đồng, trả hiện vật 5.000.000 đồng, gia đình chị đã làm nhà 5m ngang, 5m còn lại làm mái hiên đặt bàn bi – a, phía sau xây bể, nhà vệ S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Văn V trình bày:

Năm 2008 anh cùng anh Nguyễn Hà L và ông Nguyễn Hồng S góp tiền nhận chuyển nhượng chung một thửa đất của ông Ngô Đình T, chiều ngang mặt đường 15m, dài 30m. Thời điểm nhận chuyển nhượng đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm nhận chuyển nhượng gia đình anh S1 đã làm căn nhà gỗ khoảng 5m và mái hiên để bàn bi – a khoảng 5m, vị trí thửa đất nhận chuyển nhượng giáp mái hiên đặt bàn bi a của gia đình anh S1, sau khi viết Giấy chuyển nhượng thì anh L, anh V và ông S1 phân chia đất, mỗi người 5m mặt đường, giáp mái hiên nhà anh S1 là thửa đất của anh L, tới đất anh V rồi tới đất của ông S; năm 2020 anh đã chuyển nhượng lại thửa đất trên cho gia đình ông Nguyễn Hồng S. Do đã chuyển nhượng đất cho ông S nên anh không yêu cầu, đề nghị gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hà L trình bày:

Năm 2008 anh cùng anh V, ông S góp tiền nhận chuyển nhượng chung của ông T 15m đất mặt đường quốc lộ 28, chiều dài khoảng 30m, ông S là người đứng ra giao dịch và xác định vị trí thửa đất, khoảng năm 2012 thì ông S nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất còn lại của ông T, năm 2013 khi đoàn đo đạc đo hiện

trạng thì anh L có tham gia chỉ ranh, vị trí lô đất anh L chỉ ranh là 5m giáp mái hiên của gia đình anh S1. Việc chỉ vị trí lô đất do anh L tự ý chỉ vì thời điểm này toàn bộ diện tích đất của ông T ông S đã nhận chuyển nhượng, do anh S1 trình bày nhận chuyển nhượng của ông T 10m ngang mặt đường nên anh L mới chỉ ranh vị trí đất giáp phần đất của anh S1, hiện nay thửa đất của anh vẫn quản lý, tuy nhiên do ông S đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc ông S tranh chấp với anh S1 anh không liên quan và không yêu cầu gì, anh xác nhận ông S có nhận chuyển nhượng của ông T 35m đất mặt đường.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 07/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G'Long đã căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 156, 157, 158, 159, 160, 163, 164, 165 và Điều 166 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 166, Điều 179 của Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng S đối với anh Hoàng Kim S1, buộc bị đơn anh Hoàng Kim S1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị L1 phải trả cho ông Nguyễn Hồng S phần diện tích đất là 149,32m², có các điểm từ 2, B, 8 đến 9 theo sơ đồ đo đạc của Công ty TNHH MTV Đức Kim Long tại Đắk Nông.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/7/2022 bị đơn anh Hoàng Kim S1 kháng cáo toàn bộ bản án và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 21 tháng 7 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk G'Long có quyết định kháng nghị phúc thẩm đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát thay đổi nội dung kháng nghị đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 của BLTTDS: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk G'Long, hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 07/7/2022 của TAND huyện Đắk G'Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk G'Long ban hành đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk G'Long và yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Hoàng Kim S1, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Trong quá trình giải quyết nguyên đơn và bị đơn đều khai rằng nguồn gốc đất là nhận chuyển nhượng của ông Ngô Đình T. Theo lời khai của nguyên đơn thể hiện diện tích đất tranh chấp nằm một phần trong GCNQSD đất BL 026953 do Ủy ban nhân dân huyện Đắk G'long cấp ngày 31/5/2013 đứng tên ông Nguyễn Hồng S, vị trí đất tranh chấp giáp ranh với diện tích đất bị đơn đang sử dụng. Theo kết quả đo đạc do Công ty TNHH Đức Kim Long cung cấp thì thấy rằng: Diện tích ông S chỉ ranh ngoài thực địa (ký hiệu đường kẻ liền màu vàng cam BL101) có diện tích là 987,01 m², nhưng theo GCNQSD đất BL 026953 thì có diện tích là 1059m². Như vậy, so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích của nguyên đơn còn thiếu 71,99 m². Tại sơ đồ đo đạc do UBND xã Quảng Khê thì phía sau thửa đất tranh chấp là đất của UBND xã đang quản lý nhưng tài liệu có trong hồ sơ thể hiện là đất của ông K1. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ diện tích bị thiếu là do đương sự chỉ sai hay vì lý do nào khác? chưa thu thập tài liệu, chứng cứ đầy đủ mà đã tuyên buộc bị đơn phải trả lại đất của nguyên đơn là chưa có đủ cơ sở vững chắc.

[2.2] Quá trình giải quyết bị đơn anh Hoàng Kim S1 cho rằng vào năm 2005 anh nhận chuyển nhượng của ông T một thửa đất có 10m chiều ngang, chiều dài 60m. Khi anh trả tiền thì ông T có nói là trong 10m vừa bán vừa cho nên chỉ lấy 15.000.000 đồng. Ông T và anh S1 chỉ thỏa thuận miệng, hai bên không lập giấy tờ gì, sau khi nhận chuyển nhượng thì anh S1 làm nhà trên đất và S sống từ đó đến nay. Còn ông S thì khai rằng ông mua đất của ông T và ông T là người viết giấy chuyển nhượng. Tuy nhiên, tại hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S thể hiện nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng của bà Hoàng Thị T1. Do đó, cần phải đưa ông T, bà T1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ nội dung vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Ngô Đình T và bà Hoàng Thị T1 là người làm chứng là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của đương sự.

[2.3] Tại Giấy chuyển nhượng đất ngày 20/6/2004 (BL83) bà Hoàng Thị T1 có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hồng S một thửa đất diện tích 1050m² có tứ cận: Phía Đông giáp đường vào Thủy điện Đồng Nai 3; Phía Tây giáp đất rẫy nhà ông K1; Phía Nam giáp đất ông H1 Công an thôn 9; Phía Bắc giáp đất của gia đình S1 L1.

Giấy sang nhượng đất 13/12/2012 thể hiện: Ông Ngô Đình T có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hồng S một thửa đất có chiều ngang là 20m có tứ cận: Phía Đông giáp đường đi vào Thủy điện Đồng Nai 3; Phía Tây giáp đất ông K1; Phía Nam giáp đất của vợ chồng anh S1; Phía Bắc giáp đất ông H1 công an thôn 9. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ diện tích mà bà T1 chuyển nhượng cho ông S có cùng vị trí, tứ cận với diện tích mà ông T chuyển nhượng cho ông S không? Bởi theo hai giấy tờ chuyển nhượng nêu trên thì về phía Bắc và phía Nam là khác nhau về vị trí tiếp giáp.

[2.4] Bản án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn anh Hoàng Kim S1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị L1 phải trả cho ông Nguyễn Hồng S phần diện tích đất là 149,32m², có các điểm từ 2, B, 8 đến 9 theo sơ đồ đo đạc của Công ty TNHH MTV Đức Kim Long tại Đắk Nông mà không tuyên thừa đất có địa chỉ tại đâu, vị trí, tứ cận cụ thể như thế nào nên khó thi hành trên thực tế.

[2.5] Tài liệu trong hồ sơ thể hiện ngày 04/02/1999 Lâm trường Quảng Khê và ông Nguyễn Hồng S có ký kết hợp đồng số 06/HĐKT; đến năm 2000 thì lập biên bản bàn giao đất (BL 149) giữa ông Ngô Đình T và bên nhận đất là ông Nguyễn Hồng S diện tích bàn giao là 1,5 ha thuộc khoảnh 4, tiểu khu 1039. Tại biên bản lấy lời khai của ông K1 (BL 166) thể hiện: Nguồn gốc đất tranh chấp trước đây là của ông K1 chuyển nhượng cho ông T, vừa bán, vừa cho để xí nghiệp lâm trường Quảng Khê làm Trạm gác bảo vệ rừng, khi đó hai bên có viết giấy tay. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ diện tích đất là của cá nhân ông T hay là đất thuộc sự quản lý của Lâm trường Quảng Khê bởi mục đích chuyển nhượng là để làm Trạm gác bảo vệ rừng và thời điểm này ông T là Giám đốc lâm trường Quảng Khê.

[3]. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn anh Hoàng Kim S1 kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk G'Long kháng nghị sửa bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm lại đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm là vượt quá phạm vi kháng cáo, kháng nghị ban đầu.

Từ những phân tích trên thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ các nội dung đã nêu và việc thu thập chứng cứ, chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung khắc phục được nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của anh Hoàng Kim S1 và một phần kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát. Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đắk G'long, tỉnh Đắk Nông giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do bản án bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk G'Long, tỉnh Đắk Nông.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Hoàng Kim S1.

2. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G'Long và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đắk G'long, tỉnh Đắk Nông giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Chi phí tố tụng và tiền tạm ứng án phí sẽ được xem xét khi Tòa án giải quyết lại vụ án.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Hoàng Kim S1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho anh Hoàng Kim S1 300.000 đồng theo biên lai

số: 0004278 ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ,
tỉnh Đắk Nông.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Tòa án nhân dân huyện Đắk G'Long;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký và đóng dấu

Lê Văn Hữu

